



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

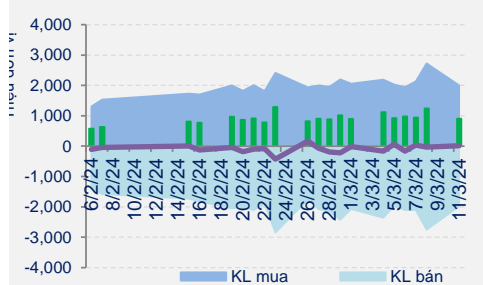
11/3/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

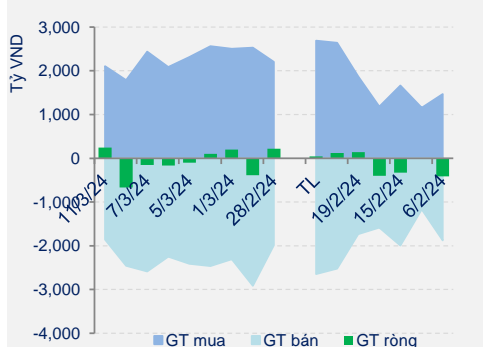
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,235.49	233.84
% Thay đổi	↓ -0.95%	↓ -1.05%
KLGD (CP)	904,970,479	96,075,972
GTGD (tỷ đồng)	23,808.82	2,023.59
Tổng cung (CP)	1,986,610,282	159,751,400
Tổng cầu (CP)	2,004,435,761	131,001,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	58,710,060	7,191,507
KL mua (CP)	61,147,317	1,635,326
GT mua (tỷ đồng)	2,103.95	50.44
GT bán (tỷ đồng)	1,859.38	202.43
GT ròng (tỷ đồng)	244.57	(151.99)

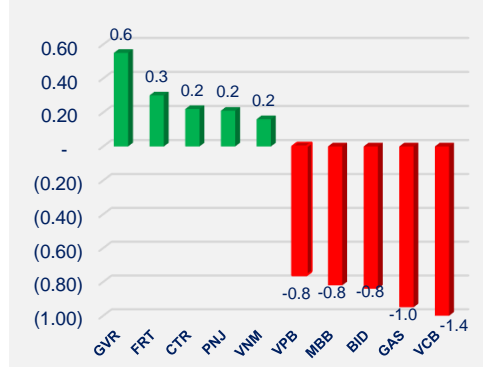
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên giảm điểm mạnh cuối tuần trước với khối lượng giao dịch đột biến và VN-INDEX không giữ được vùng giá cao nhất năm 2023 quanh 1.255 điểm. VN-INDEX hôm nay đã phục hồi tăng giá lên 1.254 điểm với thanh khoản suy giảm mạnh trong phiên sáng. Áp lực bán sau đó gia tăng mạnh hơn, thanh khoản gia tăng khi giá giảm với áp lực bán tăng mạnh tại nhóm VN30 khiến cho VN-INDEX kết phiên giảm khá mạnh 11,86 điểm (-0,95%) về mức 1.235,49 điểm tương ứng với đường giá trung bình MA20 phiên hiện nay. HNX-INDEX giảm 2,48 điểm (-1,05%) về mức 233,84 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về tiêu cực, thanh khoản gia tăng khi giá giảm với 516 mã giảm giá (05 mã giảm sàn), 162 mã tăng giá (10 mã tăng trần) và 111 mã giữ giá tham chiếu.

Giá trị khớp lệnh trên hai sàn niêm yết đạt 25,819,37 tỷ đồng được giao dịch, trên mức trung bình, trong đó khối lượng giao dịch trên VN-INDEX giảm 29,40% so với phiên đột biến cuối tuần trước. Cho thấy dòng tiền ngắn hạn đang suy giảm, áp lực chốt lỗ ngắn hạn vẫn gia tăng ở nhiều mã/nhóm mã. Khối ngoại mua ròng trở lại trên HOSE với giá trị 244,57 tỷ đồng, trong đó tập trung mua ròng ở nhóm cổ phiếu thép, bất động sản; bán ròng khá mạnh trên HNX với giá trị 151,99 tỷ đồng, tập trung đột biến ở cổ phiếu dầu khí PVS và SHS.

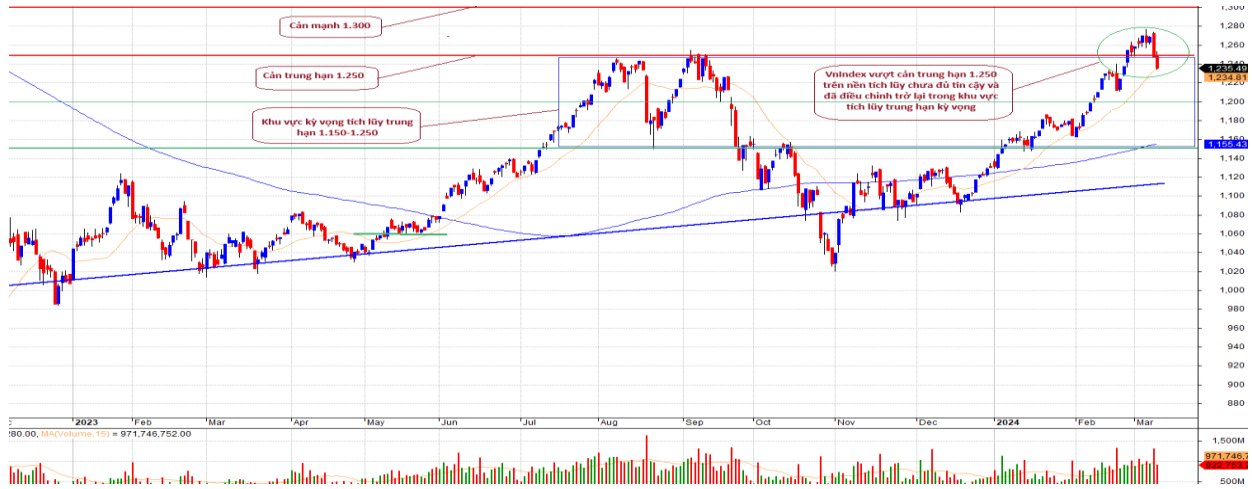
Thị trường đón nhận thông tin ngày 11/03/2024 Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Tư Pháp, Ngân hàng Nhà nước, Thanh tra Chính phủ tổ chức họp trực tuyến về rà soát, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện dự án bất động sản cho các địa phương, doanh nghiệp sau khi các Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản mới được ban hành. Cùng tham dự là lãnh đạo UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, lãnh đạo Hiệp hội Bất động sản Việt Nam (VNREA), Hiệp hội Bất động sản TP. HCM (HoREA) và lãnh đạo các ngân hàng.

Các cổ phiếu nhóm ngân hàng sau khi chịu áp lực bán, có tính chất phân phối ngắn hạn mạnh với khối lượng giao dịch rất đột biến trong các ngày 23/02/2024 và 8/03/2024 tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh, đa số giảm điểm, thanh khoản trên mức trung bình như PGB (-3,45%), LPB (-3,22%), MBB (-2,75%), SHB (-2,56%), VPB (-2,37%)... ngoài các mã tăng giá nhẹ EIB (+1,41%), HDB (+0,43%)...

Các cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán đa số cũng tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh mạnh, thanh khoản gia tăng khi giá giảm, vượt mức trung bình với VIG (-5,68%), PSI (-5,26%), TVB (-5,18%), VDS (-3,12%), VND (-2,55%)... ngoài các mã phục hồi khá tốt như FTS (+2,70%), VFS (+1,49%), CTS (+1,37%)...

Các cổ phiếu bất động sản tiếp tục chịu áp lực điều chỉnh, kém tích cực so với thị trường chung, đa số giảm điểm như AGG (-4,82%), FIR (-4,70%), CCL (-4,40%), NBB (-3,29%), NVL (-2,73%)... ngoài VRC (+6,89%), SJS (+0,40%), VPI (+0,35%)... trong khi đó các cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su có diễn biến phân hóa tương đối tích cực hơn khi PHR (+4,63%), GVR (+1,90%), SIP (+1,79%), DPR (+1,47%)... thanh khoản gia tăng mạnh ngoài các mã chịu áp lực chốt lỗ ngắn hạn khá mạnh sau giai đoạn tăng giá tốt như BCM (-3,17%), KBC (-3,02%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2403 giảm 22,8 điểm (-1,82%), chênh lệch âm -4,12 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 35,43% so với phiên trước, trên mức trung bình khi VN30 biến động mạnh. Xu hướng ngắn hạn kỳ hạn VN30F2403 đang kết thúc giai đoạn tăng trưởng chuyển sang điều chỉnh, tích lũy dưới kháng cự mạnh quanh 1,245 điểm, hỗ trợ gần nhất quanh 1,220 điểm, giá thấp nhất ngày 26/02/2024. Các kỳ hạn VN30F2404, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ -0,12 điểm đến -1,22 điểm so với VN30. Cả 04 kỳ hạn đều chênh lệch âm cho thấy các trader đang có tâm lý kém lạc quan đối với xu hướng của VN30.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường tiếp tục điều chỉnh phiên hôm nay, vận động này đã được chúng tôi dự báo chính xác khi VnIndex vượt cản 1.250 điểm nhưng không được hỗ trợ bởi nền tích lũy đủ tin cậy, chốt phiên Vn-Index giảm -11,86 điểm (-0,95%) và đóng cửa ở 1.235,49 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, động lực tăng của thị trường đang suy yếu và phiên điều chỉnh hôm nay làm tăng khả năng kết thúc xu hướng tăng ngắn hạn của VN-Index. Chúng tôi cho rằng tín hiệu Vn-Index bước vào giai đoạn giảm ngắn hạn đang rõ nét dần và không đánh giá cao khả năng Vn-Index hình thành uptrend mạnh mẽ mặc dù có thể có các phiên phục hồi thời gian tới. Vn-Index sau khi kết thúc đã hưng phấn sẽ điều chỉnh trở lại vùng 1.150 điểm - 1.250 điểm, kênh tích lũy trung hạn mà chúng tôi đã thường xuyên đề cập tới trong các bản tin.

Vn-Index có dấu hiệu kết thúc nhịp tăng ngắn hạn, chúng tôi không khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn tham gia tích cực ở giai đoạn hiện tại dù Vn-Index thể có nhịp hồi. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang vận động trong nửa trên của kênh tích lũy và bắt đầu rung lắc khi gặp cản mạnh 1.250 điểm, nhà đầu tư trung dài hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì gần như đã cơ cấu xong danh mục ổn định, ở vùng điểm số hiện tại cơ hội giải ngân dài hạn không còn nhiều và không hấp dẫn, do đó chúng tôi không khuyến nghị giải ngân ở giai đoạn hiện tại mà nên chờ đợi thị trường bước vào nhịp giảm ngắn hạn.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

11/3/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PVD	30.05	27.5-28.3	31-32	26	28.8	19.8%	262.1%	Theo dõi giải ngân
BWE	44.00	42.5-43.5	50-52	40	12.6	8.1%	-13.6%	Theo dõi giải ngân
SAB	59.30	59-60.5	69-71	56	18.5	-15.0%	-9.3%	Theo dõi giải ngân
PVS	36.30	37-37.8	44-45	35	20.0	27.9%	-44.8%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	32.20	22.3	31-32	30	44.4%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	58.80	45.1	56-58	56	30.4%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	30.05	27.55	32-33	30	9.1%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	21.30	18.09	23-24	21	17.7%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ**NHNN mở lại kênh tín phiếu, hút gần 15.000 tỷ ra khỏi hệ thống**

Đây là động thái đầu tiên trên kênh tín phiếu trong năm 2024 và là lần hút tiền trở lại sau hơn 4 tháng không có giao dịch. Sau hơn 4 tháng im ắng không phát sinh giao dịch, chiều nay (11/3) Ngân hàng Nhà nước bất ngờ mở lại kênh đấu thầu tín phiếu, hút gần 15.000 tỷ đồng ra khỏi hệ thống. Cụ thể, NHNN đã chào thầu tín phiếu kỳ hạn 28 ngày với 14.999,8 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất ở mức 1,4%/năm. Động thái hút ròng của NHNN có thể phản ánh tình trạng dư thừa thanh khoản hệ thống. Trước đó, lãi suất liên ngân hàng đã có xu hướng giảm mạnh ngay sau Tết nguyên đán.

UOB dự báo tăng trưởng GDP quý I đạt 5,5%

Theo các chuyên gia từ UOB, tốc độ tăng trưởng GDP sẽ ở khoảng 5,5% so với cùng kỳ do ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Tuy rằng, tăng trưởng GDP quý I năm nay không cao bằng mục tiêu 6,0 -6,5% nhưng đã tăng đáng kể so với mức 3,3% của quý I/2023. Báo cáo dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam quý I/2024 của Ngân hàng UOB chỉ ra rằng động lực chung trong lĩnh vực sản xuất và thương mại bên ngoài đang có những dấu hiệu tích cực.

Bộ Xây dựng đề nghị doanh nghiệp bất động sản điều chỉnh giá bán để tạo thanh khoản cho thị trường

Bộ Xây dựng yêu cầu doanh nghiệp điều chỉnh lại phân khúc, giá bất động sản, phù hợp với thị trường và đảm bảo tính thanh khoản, tạo dòng vốn để duy trì hoạt động và thực hiện dự án. Sáng 11/3, Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà chủ trì cuộc họp trực tuyến Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ rà soát, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện dự án bất động sản cho các địa phương, doanh nghiệp sau khi các Luật mới được ban hành (Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản). Hội nghị có sự tham dự của nhiều bộ, ngành, địa phương, hiệp hội.

Tín hiệu tốt về kinh tế Trung Quốc: Giá tiêu dùng tăng trở lại, xuất khẩu tăng vượt dự báo

Tuy nhiên, giới chuyên gia cho rằng còn quá sớm để cho rằng kinh tế Trung Quốc đã đi qua giai đoạn tồi tệ nhất... Giá tiêu dùng ở Trung Quốc tăng lần đầu tiên kể từ tháng 8, chấm dứt chuỗi tháng giảm liên tiếp gây áp lực lên triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Một tín hiệu khả quan nữa cũng xuất hiện, khi xuất khẩu của nước này trong 2 tháng đầu năm đạt tốc độ tăng trưởng vượt dự báo. Số liệu do Tổng cục Thống kê Trung Quốc (NBS) công bố vào cuối tuần vừa rồi cho thấy chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2 tăng 0,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trước đó, chỉ số này trong tháng 1 ghi nhận mức giảm mạnh nhất kể từ năm 2009.



TIN DOANH NGHIỆP

Damsan (ADS) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 2024 đạt hơn 114 tỷ đồng, giảm 27%

Công ty cổ phần DamSan (mã chứng khoán ADS) vừa có Nghị quyết HĐQT thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 với mục tiêu doanh thu tăng nhưng lợi nhuận sụt giảm so với thực hiện của năm ngoái. Về kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công ty đặt chỉ tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ sợi xe là 1.200 tấn, khăn bông cao cấp 720 tấn, khăn tay bông thủ công 1.200 tấn, bông thương mại đạt 14.400 tấn, sợi cộc gia công 13.200 tấn. Về kế hoạch doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Damsan đặt mục tiêu hơn 2.408 tỷ đồng doanh thu bán hàng, tăng 46,6% so với thực hiện của năm ngoái. Tuy nhiên trong kế hoạch lợi nhuận, Công ty khá thận trọng khi đưa ra mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 114,6 tỷ đồng, giảm 27% so với thực hiện của năm ngoái (90,2 tỷ đồng)

Coteccons (CTD) được Finnratings xếp hạng tín nhiệm BBB, trúng thầu tổng giá trị hơn 15.000 tỷ đồng

Công ty cổ phần Xây dựng Coteccons (mã CTD - sàn HOSE) được Finnratings xếp hạng tín nhiệm BBB với triển vọng ổn định sau khi đạt kết quả kinh doanh với doanh thu và lợi nhuận tăng tốc nổi tiếp đà tăng trưởng trước đó. Theo năm tài chính mới từ 1/7/2023 đến hết 30/6/2024, báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm tài chính 2024, tổng tài sản của Coteccons là 21.652 tỷ đồng, trong đó lượng tiền lên đến 4.304 tỷ đồng, chiếm 20% tổng tài sản (chưa bao gồm khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư tài chính khác).

Thủy điện Thác Bà đặt mục tiêu lãi ròng tăng 32%

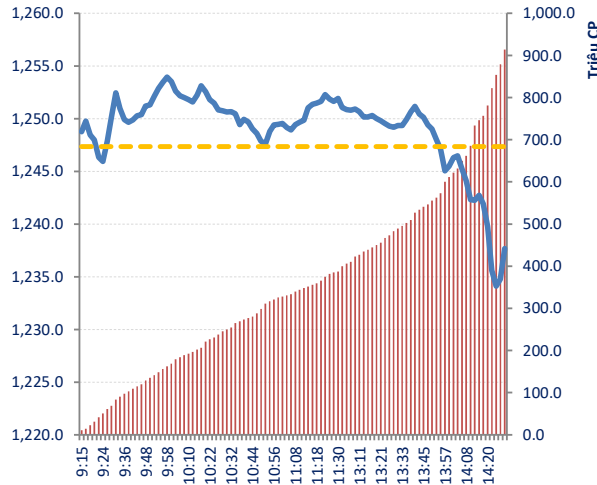
CTCP Thủy điện Thác Bà (HOSE: TBC) vừa công bố tài liệu ĐHCĐ thường niên 2024. Trong đó, mục tiêu lợi nhuận năm nay sẽ tăng trưởng 32% so với cùng kỳ kém thuận lợi. Năm 2023, lưu lượng nước về hồ bình quân thấp hơn đã khiến TBC gặp nhiều khó khăn, lợi nhuận ròng chỉ bằng 39% năm trước. Năm 2024, Doanh nghiệp dự kiến trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch phục hồi hoạt động kinh doanh. Doanh thu dự kiến hơn 542 tỷ đồng, tăng 22% so với năm trước; lãi ròng hơn 166 tỷ đồng, tăng 32%.

REE tiếp tục chia cổ tức 25% cho năm 2023

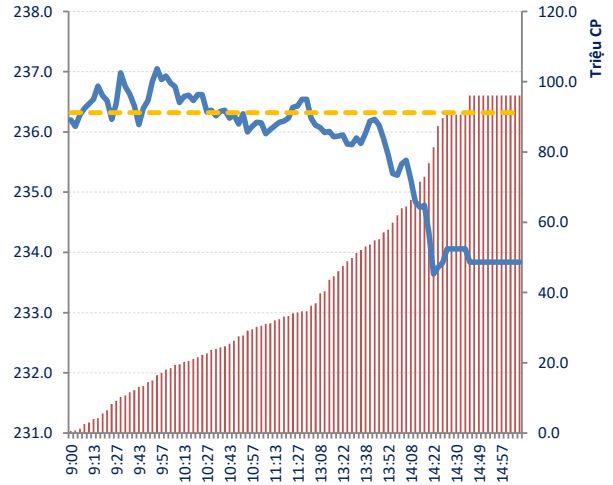
Công ty dự kiến duy trì tỷ lệ chi trả bằng tiền mặt 10% và trả cổ phiếu 15% cho năm 2023, sau đó sẽ giảm tỷ lệ cổ tức năm 2024 để có nguồn vốn đầu tư các dự án mới. Theo tài liệu họp cổ đông mới công bố, Công ty cổ phần Cơ điện Lạnh (Mã: REE) công bố tờ trình về việc phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2023 và kế hoạch cổ tức cho năm tài chính 2024. Lãnh đạo doanh nghiệp đề xuất duy trì tỷ lệ chi trả 25% cho năm 2023, tương đương với năm liền trước. Tuy nhiên tổng giá trị cổ tức sẽ chi trả sẽ là 1.022 tỷ đồng, cao hơn mức 889 tỷ đồng của năm 2022 do công ty có tăng vốn.



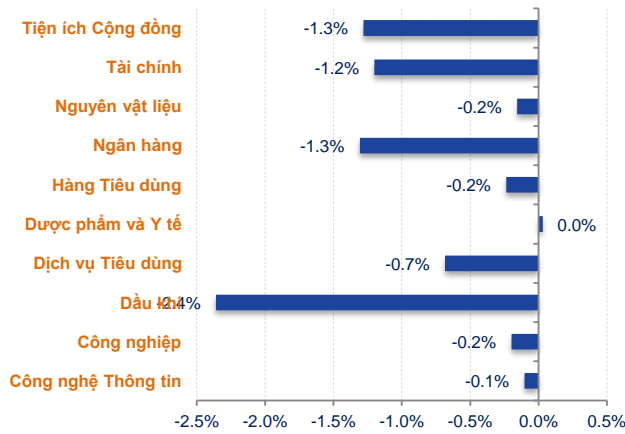
KLGD và VN-Index trong phiên



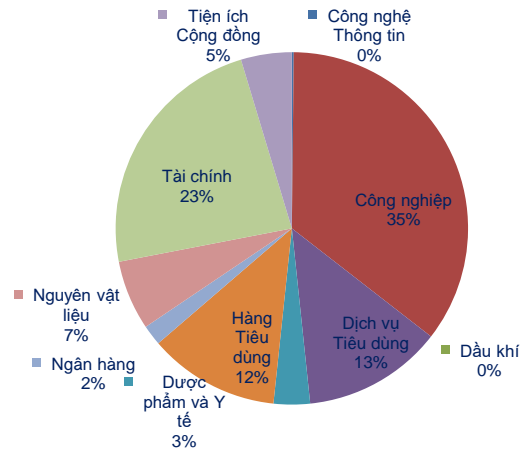
KLGD và HNX-Index trong phiên



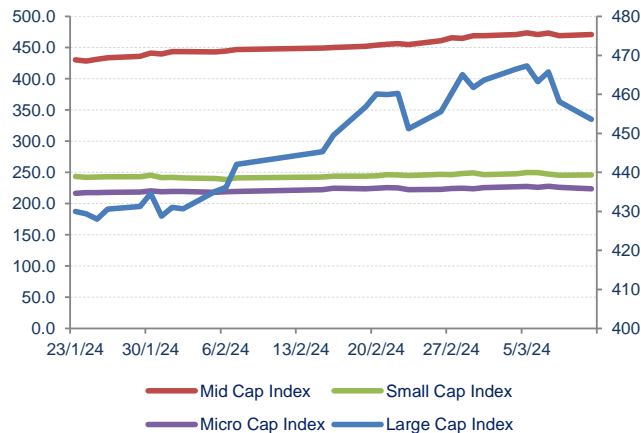
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



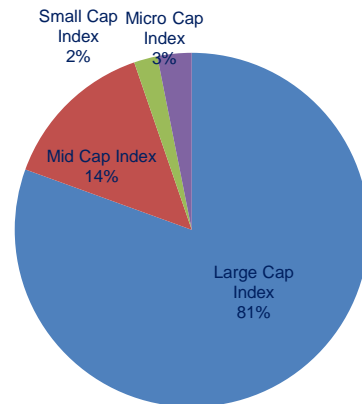
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	EIB	3,657,511	VPB	2,597,493	1	IDC	242,566	PVS	2,669,100
2	HPG	2,066,531	SHB	2,238,455	2	LAS	136,700	CEO	1,140,516
3	IDI	1,800,001	DXG	2,101,727	3	APS	63,600	SHS	915,400
4	HDB	1,662,200	KBC	1,953,362	4	IVS	60,100	TNG	685,700
5	DBC	1,644,200	POW	1,681,465	5	IDJ	45,000	HUT	195,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.70	11.40	↓ -2.56%	40,610,500	SHS	18.50	18.00	↓ -2.70%	25,532,536
MBB	23.60	22.95	↓ -2.75%	38,411,301	PVS	37.20	36.30	↓ -2.42%	9,243,475
VIX	19.45	19.40	↓ -0.26%	34,039,700	CEO	21.70	21.30	↓ -1.84%	7,935,150
VND	23.50	22.90	↓ -2.55%	32,296,200	MBS	28.60	27.90	↓ -2.45%	4,589,757
HPG	30.30	29.90	↓ -1.32%	30,950,100	TNG	22.40	21.80	↓ -2.68%	3,037,665

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DMC	60.40	64.60	4.20	↑ 6.95%	TPH	11.20	12.30	1.10	↑ 9.82%
CTR	105.20	112.50	7.30	↑ 6.94%	CET	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%
NO1	8.41	8.99	0.58	↑ 6.90%	KSQ	3.10	3.40	0.30	↑ 9.68%
VRC	9.87	10.55	0.68	↑ 6.89%	HMR	13.60	14.90	1.30	↑ 9.56%
BFC	29.30	31.10	1.80	↑ 6.14%	TA9	11.70	12.80	1.10	↑ 9.40%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PIT	7.03	6.54	-0.49	↓ -6.97%	NHC	28.00	25.20	-2.80	↓ -10.00%
CLW	37.45	34.85	-2.60	↓ -6.94%	MAS	36.00	32.40	-3.60	↓ -10.00%
FUCVREIT	7.68	7.15	-0.53	↓ -6.90%	TSB	56.80	51.20	-5.60	↓ -9.86%
POM	5.65	5.30	-0.35	↓ -6.19%	HHC	90.50	81.60	-8.90	↓ -9.83%
ST8	11.10	10.45	-0.65	↓ -5.86%	MED	27.00	24.40	-2.60	↓ -9.63%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	40,610,500	16.1%	2,064	5.7	0.9
MBB	38,411,301	23.5%	3,966	6.0	1.3
VIX	34,039,700	11.6%	1,444	13.5	1.5
VND	32,296,200	13.0%	1,657	14.2	1.7
HPG	30,950,100	6.9%	1,175	25.8	1.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	25,532,536	5.7%	688	26.9	1.5
PVS	9,243,475	6.6%	1,812	20.5	1.3
CEO	7,935,150	3.1%	408	53.2	1.8
MBS	4,589,757	12.3%	1,334	21.4	2.5
TNG	3,037,665	12.9%	1,988	11.3	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DMC	↑ 7.0%	12.3%	5,274	11.5	1.4
CTR	↑ 6.9%	28.6%	4,515	23.3	6.0
NO1	↑ 6.9%	5.5%	703	12.0	0.7
VRC	↑ 6.9%	0.0%	4	2,497.5	0.4
BFC	↑ 6.1%	11.3%	2,595	11.3	1.3

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TPH	↑ 9.8%	6.5%	791	14.2	0.9
CET	↑ 9.8%	0.0%	4	1,202.0	0.5
KSQ	↑ 9.7%	3.0%	265	11.7	0.3
HMR	↑ 9.6%	8.5%	1,171	11.6	1.0
TA9	↑ 9.4%	14.7%	1,853	6.3	0.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	3,657,511	10.1%	1,244	14.2	1.4
HPG	2,066,531	6.9%	1,175	25.8	1.7
IDI	1,800,001	2.1%	318	39.0	0.8
HDB	1,662,200	23.6%	3,482	6.6	1.4
DBC	1,644,200	0.5%	103	284.5	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	242,566	22.6%	4,221	13.7	3.1
LAS	136,700	10.7%	1,316	15.7	1.6
APS	63,600	-20.2%	(2,072)	-	0.7
IVS	60,100	3.6%	390	32.3	1.2
IDJ	45,000	5.8%	671	9.4	0.5

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	531,523	21.7%	5,910	16.1	3.2
BID	291,292	19.0%	3,781	13.5	2.4
VHM	185,278	20.0%	7,607	5.6	1.0
CTG	185,265	17.0%	3,723	9.3	1.5
GAS	182,591	18.4%	5,053	15.7	2.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	19,074	22.6%	4,221	13.7	3.1
PVS	17,780	6.6%	1,812	20.5	1.3
HUT	16,779	0.6%	82	229.6	1.5
SHS	15,043	5.7%	688	26.9	1.5
THD	13,436	3.0%	470	74.3	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
MHC	2.38	4.8%	618	15.4	0.7
DC4	2.37	15.8%	1,946	5.8	0.8
VPG	2.30	1.3%	232	70.5	0.9
NHA	2.28	1.4%	143	126.8	1.8
DIG	2.27	2.2%	283	93.8	2.0

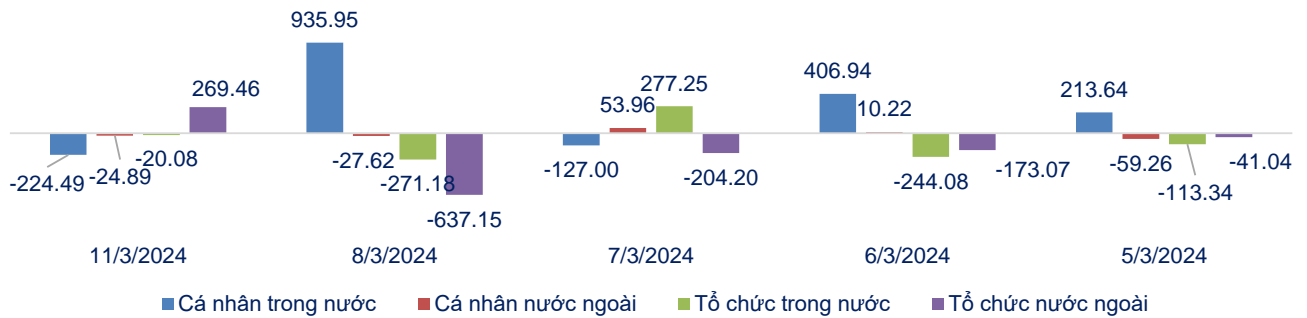
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VGS	2.60	6.1%	1,090	23.2	1.4
TKG	2.43	2.0%	205	36.6	0.7
CEO	2.37	3.1%	408	53.2	1.8
HCT	2.35	-4.4%	(871)	-	0.5
EVS	2.32	1.9%	228	38.5	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	69.78	8.3%	1,445	13.2	1.1
KBC	56.25	10.5%	2,600	12.7	1.3
PVD	53.26	4.0%	1,040	29.6	1.1
MSB	44.83	16.0%	2,322	6.4	0.9
DXG	43.61	1.2%	283	63.8	0.8

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	-80.85	-18.3%	(2,537)	-	11.6
EIB	-73.75	10.1%	1,244	14.2	1.4
HPG	-73.33	6.9%	1,175	25.8	1.7
KDH	-62.34	5.2%	906	40.2	1.9
FTS	-58.96	12.7%	2,074	28.6	3.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SAB	17.29	16.4%	3,210	18.7	3.0
VPB	6.10	8.3%	1,445	13.2	1.1
MWG	3.65	0.7%	115	416.7	3.0
STB	3.12	18.3%	4,094	7.5	1.3
MSN	1.82	1.1%	293	267.6	2.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-60.31	23.4%	5,105	21.5	4.7
VCI	-4.80	7.1%	1,127	42.5	2.8
FRT	-2.19	-18.3%	(2,537)	-	11.6
HCM	-2.16	8.3%	1,187	23.8	2.0
VRC	-1.58	0.0%	4	2,497.5	0.4

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	53.59	1.1%	293	267.6	2.9
VNM	45.20	26.2%	4,248	16.5	4.2
SAB	29.71	16.4%	3,210	18.7	3.0
STB	19.75	18.3%	4,094	7.5	1.3
MBB	15.62	23.5%	3,966	6.0	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-58.27	16.0%	2,322	6.4	0.9
TCB	-21.47	14.7%	5,118	8.0	1.1
VPB	-20.74	8.3%	1,445	13.2	1.1
FUEVFNVD	-19.27	N/A	N/A	N/A	N/A
VIX	-18.61	11.6%	1,444	13.5	1.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

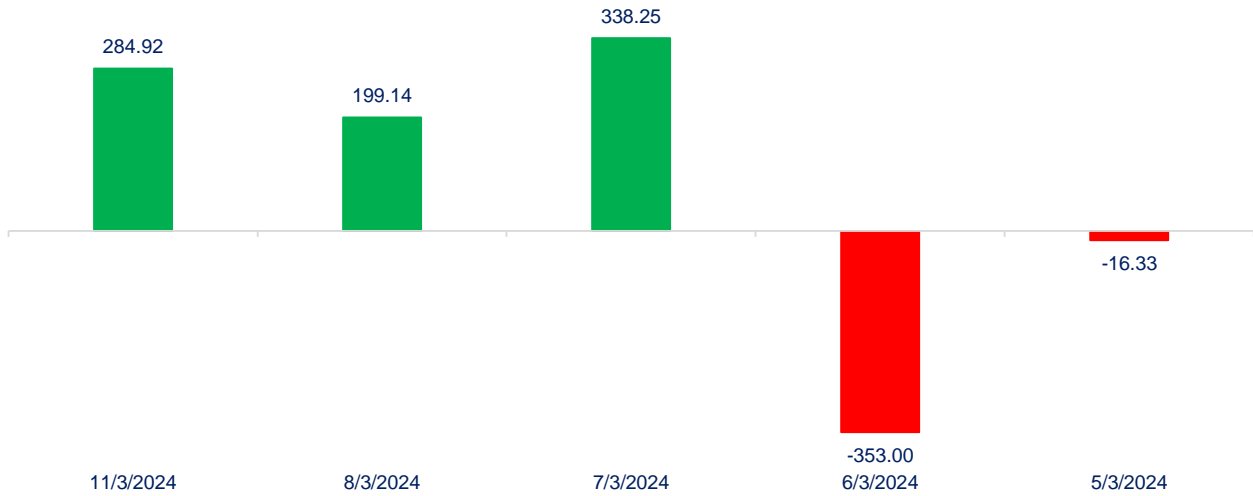
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	99.53	-18.3%	(2,537)	-	11.6
EIB	65.84	10.1%	1,244	14.2	1.4
FTS	62.89	12.7%	2,074	28.6	3.5
HPG	61.55	6.9%	1,175	25.8	1.7
FPT	59.71	23.4%	5,105	21.5	4.7

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

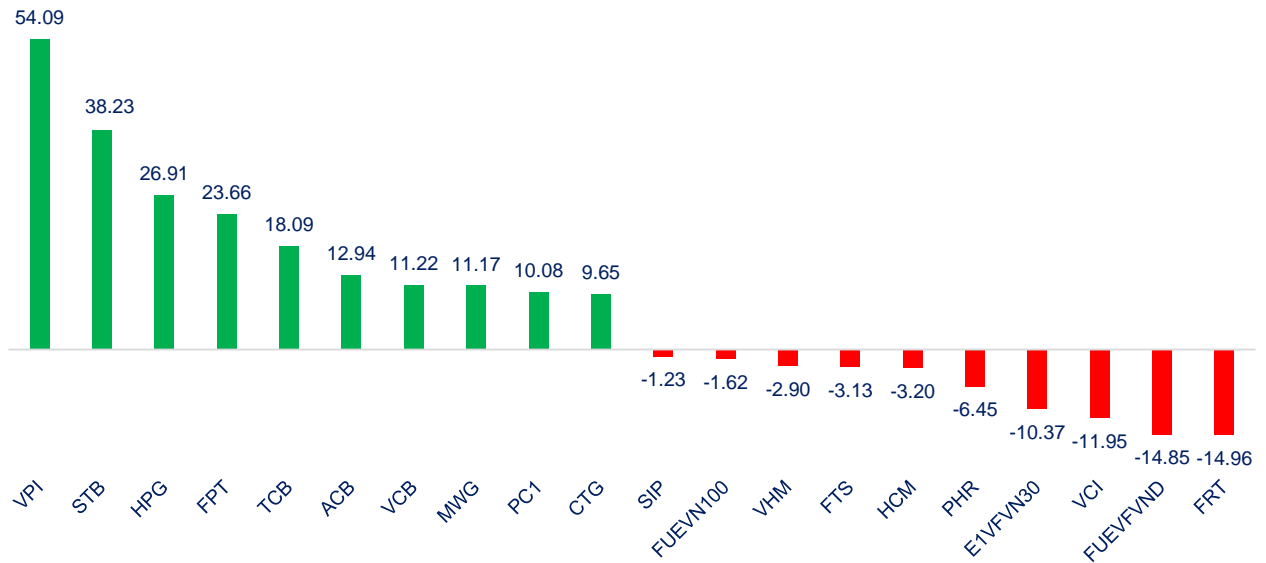
Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-93.46	1.1%	293	267.6	2.9
KBC	-64.51	10.5%	2,600	12.7	1.3
SAB	-58.29	16.4%	3,210	18.7	3.0
VPB	-55.13	8.3%	1,445	13.2	1.1
PVD	-41.17	4.0%	1,040	29.6	1.1



Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn